

TƯ TƯỞNG HÀNH ĐẠO TRONG THƠ CHỮ HÁN CỦA ĐOÀN NGUYỄN TUẤN

Lê Văn Tấn

Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Tóm tắt. Đoàn Nguyễn Tuấn (1750-?), hiệu Hải Ông, quê làng Hải Yên, huyện Quỳnh Côi (nay là làng Hải An, xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ), tỉnh Thái Bình. Ông từng đỗ Hương cống dưới thời nhà Lê nhưng không ra làm quan, sau đó có cùng với Vũ Huy Tấn, Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm... theo Tây Sơn và được trọng dụng. Đoàn Nguyễn Tuấn có quan niệm hành tàng khá linh hoạt nên đã theo đuôi và kiên trì con đường hành đạo của kẻ sĩ trong thời loạn. Với hơn 200 bài thơ chữ Hán còn để lại, Đoàn Nguyễn Tuấn đã có dịp thể hiện khá sáng rõ những phương diện nội dung quan trọng trong tư tưởng hành đạo của mình và qua đây có thể khẳng định rằng, là một trong những tác giả văn học lớn giai đoạn nửa cuối thế kỉ XVIII nói riêng, của văn học trung đại Việt Nam nói chung. Đây là nội dung chính được chúng tôi đặt ra và giải quyết trong bài viết này.

Từ khóa: Đoàn Nguyễn Tuấn, tư tưởng hành đạo, thơ chữ Hán, văn học trung đại.

1. Mở đầu

Là một gương mặt khá tiêu biểu của lịch sử văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XVIII, nửa đầu thế kỉ XIX, Đoàn Nguyễn Tuấn đã xác lập nên một tư cách hết sức đáng chú ý của mẫu hình nhà nho hành động – hành đạo trung nghĩa trong thời loạn. Tên tuổi của ông, cùng với *Hải Ông thi tập* đã được đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu đi trước song cũng mới chỉ có những đề cập bước đầu [1-5]... Trong công trình nghiên cứu thơ đi sứ của Đoàn Nguyễn Thục và Đoàn Nguyễn Tuấn, tác giả Nguyễn Thị Hòa đã có những khảo sát và luận giải chi tiết về các phương diện nội dung và nghệ thuật của thơ Đoàn Nguyễn Tuấn [6] song phương diện hành đạo ở thơ văn ông lại chưa được chú ý một cách thỏa đáng. Gần đây, trong một số công bố của chúng tôi, tư tưởng hành đạo thể hiện trong thơ Đoàn Nguyễn Tuấn được chúng tôi ít nhiều đề cập song cũng chưa có những phân tích đầy đủ [7-9]... Trên cơ sở tham chiếu các nghiên cứu đi trước, bài báo của chúng tôi sẽ luận giải một cách hệ thống về con đường hành đạo của nhà nho Đoàn Nguyễn Tuấn trong thời loạn và sự thể hiện tư tưởng hành đạo ấy của ông qua thơ văn còn để lại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Con đường hành đạo của kẻ sĩ trong thời loạn

Là con của Hoàng giáp Đoàn Nguyễn Thục (1718-1775), con rể của tiến sĩ Nhữ Đình Toàn (1702-1773), là anh vợ của thi hào Nguyễn Du (1765-1820), Đoàn Nguyễn Tuấn chắc rằng đã được thừa kế cũng như sự ảnh hưởng ở họ những tư tưởng và khát vọng công hiến phục vụ phục vụ đất nước, triều đại hết sức tốt đẹp. Theo học Nho giáo và bằng nỗ lực cá nhân, Đoàn

Ngày nhận bài: 11/5/2020. Ngày sửa bài: 27/6/2020. Ngày nhận đăng: 10/7/2020.

Tác giả liên hệ: Lê Văn Tấn. Địa chỉ e-mail: tanlv0105@gmail.com

Nguyễn Tuấn đỗ Hương cống vào đời Lê (khoảng đời Lê Cảnh Hưng). Đây sẽ là một cánh cửa thuận lợi cho hành trình hành đạo, dần thân vào quan trường, nơi có thể giúp biết bao kẻ sĩ như ông thực thi lý tưởng của mình. Tuy vậy, bằng một nhãn quan cấp tiến về triều đại lúc bấy giờ, họ Đoàn đã không ra làm quan và tìm một hướng đi khác với hy vọng sự đổi thay nào đó. Vào năm 1786, Đoàn Nguyễn Tuấn đã tụ họp người làng bàn chuyện dấy binh giúp Trịnh Bồng (ở ngôi chúa từ năm 1786-1787) đánh Nguyễn Hữu Chỉnh nhưng rất tiếc việc này đã không thành. Cuối năm 1787, Vũ Văn Nhậm có đem quân ra Bắc, giết Nguyễn Hữu Chỉnh, đuổi Lê Chiêu Thống. Với nhiều kẻ sĩ như họ Đoàn, đây là một giai đoạn lịch sử có nhiều biến động khiến cho họ mang trong mình tâm lý hoang mang, lo lắng trước sự lựa chọn con đường hành đạo mà dường như, bất kể sự dần thân nào cũng có nguy cơ chưa thực đúng đắn và lý tưởng nhất. Qua thơ văn, chúng ta có thể hiểu rõ hơn về tư cách của kẻ sĩ cũng như những lý tưởng hành đạo đẹp đẽ của ông trong thời loạn.

Không ra làm quan cho triều Lê - Trịnh, năm 1788, Đoàn Nguyễn Tuấn cùng với một số nho sĩ hành đạo thức thời là Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Ngô Vi Quý, Vũ Huy Tấn... vào lặn lội vào Phú Xuân yết kiến Nguyễn Huệ và ngay lập tức họ Đoàn được trọng dụng. Đầu tiên, ông được giao chức Hàn lâm Trực học sĩ Viện hàn lâm. Hẳn rằng, việc lựa chọn này của Đoàn Nguyễn Tuấn không phải không khiến ông trăn trở, băn khoăn (ít nhất là thân phụ ông từng là đại thần nhà Lê) nhưng đây là một quyết định táo bạo, thể hiện bản lĩnh của một nhà nho hành đạo trong thời loạn. Tổng cộng ông đã gắn bó với Tây Sơn trên 10 năm và được Vua Quang Trung tin dùng, giao phó cho nhiều trọng trách. Vào tháng 9 năm 1789, họ Đoàn cùng với họ Phan (Phan Huy Ích) được vua Quang Trung cử đi tiếp sứ nhà Thanh ở Lạng Sơn. Trong dịp này, với tâm lý tự hào trước chiến thắng oanh liệt của dân tộc (chiến thắng mùa xuân Kỷ Dậu 1789) và niềm vui sướng của kẻ sĩ được trọng dụng giao nhiệm vụ quốc gia đại sự, Đoàn Nguyễn Tuấn đã ghi lại xúc cảm của mình trong một số bài thơ. Dưới đây là một trường hợp tiêu biểu:

Nhất chi vị hoạch toại sào lâm,

Mạn bả Tề thanh giáns Sở âm.

Thắng thốt hoàng hoa tân quốc mệnh,

Bồi hồi thu nguyệt cổ nhân tâm.

Hoa minh cổ đạo phong trần tĩnh,

Tụ phát trùng sơn thảo thụ thâm.

Công tế huê quân thanh thưởng xứ,

Mai biên bồi tửu, trúc biên cầm.

(Kỷ Dậu, trọng thu thượng cán,

ngành tiếp sách sứ, tâm hữu Nguyễn

Quế Hiền tặng thi nhị thủ y vận đáp)

Chưa được thỏa chí làm tổ một cảnh trong rừng,

Cứ đem tiếng nước Tề xen tiếng nước Sở.

Theo lệnh nhà nước mới, vội vàng trên bước hoàng hoa,

Lòng cổ nhân bồi hồi trong ánh trăng thu.

Hoa rơi đường xưa, gió bụi yên tĩnh,

Tay áo vung vẩy chỗ núi non trùng điệp, cỏ cây um tùm.

Xong việc công, dặt tay anh đến chốn thưởng ngoạn thanh tao,

Chén rượu bên cảnh mai, cây đàn bên khóm trúc.

(Thượng tuần, tháng tám năm Kỷ Dậu, ngành tiếp sứ bộ phong vương, bạn thân là Nguyễn Quế Hiền tặng cho hai bài thơ, dựa theo nguyên văn đáp lại)

(Trích thơ văn Đoàn Nguyễn Tuấn trong bài viết chúng tôi đều lấy từ sách *Thơ văn Đoàn Nguyễn Tuấn Hải Ông thi tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1982, tr.161. Nhân bài viết này, chúng tôi muốn nói rõ hơn về số lượng bài thơ của Đoàn Nguyễn Tuấn. Nhóm biên dịch Đào Phương Bình, Nguyễn Tuấn Lương, Trần Duy Vân trong sách đã dẫn đã có những dẫn giải khá chi tiết, cụ thể. Tổng số bài của Hải Ông thi tập đúng ra là 242 bài song có 1 bài viết chữ thảo khó đọc dịch (bài “Năm Mậu Ngọ lại vào triều cận Nam Hà, Dật quan Đô úy là là Kinh Thăng...”, kỳ nhị). Tuy nhiên, khi khảo sát sách này, có tổng số 42 bài bị lược bỏ, gồm các bài số 14, 19, 23, 25, 29, 34, 37, 84, 98, 101, 102, 107, 109, 113, 120, 126, 135, 141, 149, 150, 159, 162, 165, 170, 171, 172, 178, 179, 183, 189, 191, 192, 193, 196, 197, 199, 202, 203, 204, 205, 206 và 207. Vậy nên khi nghiên cứu thơ văn Đoàn Nguyễn Tuấn, nếu lấy căn cứ là từ sách này thì số lượng bài thơ được khảo sát của ông chỉ là 199 bài (241 bài - 42 bài bị lược bỏ) chứ không phải là 241 bài).

Niềm xúc cảm lâng lâng nơi kẻ sĩ được viết ra bằng lời thơ khá giản dị, chân thành. Ấn sâu lời thơ chính là niềm tự hào của Đoàn Nguyễn Tuấn về đáng minh quân mà mình có may mắn

được tôn thờ, về dân tộc hùng mạnh qua chiến tranh. Và “Chén rượu bên cành mai, cây đàn bên khóm trúc” sẽ là điểm dừng chân mơ ước của ông về con người cá nhân đã hẳn là vậy song còn là khát vọng hòa bình hữu hảo của triều đại mới với ngoại bang. Đây chính là một trong nhiều phương diện cấu thành vẻ đẹp nhân cách nhà nho hành đạo họ Đoàn trường tồn mãi với thời gian.

Một đóng góp quan trọng của Đoàn Nguyễn Tuấn với triều đại Tây Sơn phải kể tới chính là trọng vụ của ông (cùng với Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn) đi sứ sang Trung Quốc triều kiến vua Càn Long nhà Thanh năm 1790. Đây là một chuyến đi khá đặc biệt bởi nhẽ Vua Quang Trung đã cử Giả vương tới Yên Kinh. Đoàn sứ bộ của Đoàn Nguyễn Tuấn không những đã hoàn thành nhiệm vụ của mình mà còn, một mặt giữ thể diện được cho Vua Quang Trung, cho thể diện quốc gia, mặt khác còn được vua Càn Long tiếp đón chu đáo. Đó là một thành tích rất đáng ghi nhận của Đoàn Nguyễn Tuấn nói riêng trong chuyến công cán này. Ngay sau khi về nước, ông đã được phong Lại bộ Tả thị lang, tước Hải Phái hầu.

Sau khi vua Quang Trung mất đột ngột vào năm 1792, Quang Toản lên kế vị. Tuy nhiên, do nhiều nhân tố, chủ quan có, khách quan có mà triều đình trung ương trở nên rối rắm. Quang Toản thì còn quá trẻ; cậu là Bùi Đắc Tuyên làm thái sư thì chuyên quyền, lộng hành khiến đội ngũ quan lại mất đoàn kết, chia bè kéo cánh. Phía Nam lúc bấy giờ cũng không được yên ổn do Nguyễn Ánh có âm mưu phục thù nên đã cầu cứu tư bản ngoại quốc tham gia vào công việc trong nước khiến cho tình hình càng trở nên rắc rối, xã hội bất ổn. Đây là quãng thời gian khiến nhà nho Đoàn Nguyễn Tuấn có nhiều tâm trạng mâu thuẫn, nửa như muốn tiếp tục con đường hành đạo, nửa lại muốn thoái lui về quê tìm kiếm cảnh sống an nhàn. Theo một số tài liệu còn ghi chép được, ước vào khoảng năm 1800 thì Đoàn Nguyễn Tuấn xin về hưu trí. Sau đó, khi nhà Nguyễn chính thức lên ngôi, thống nhất sơn hà, họ Đoàn đã không ra làm quan nữa và khá thanh thản với sự lựa chọn điền viên của mình, duy có sự kiện năm 1812, khi Bắc thành Hình bộ tham tri Uẩn Ngọc Hầu là Hoàng tướng công có ra đề “Thăng Long tam thập vịnh” thì Đoàn Nguyễn Tuấn đã viết chùm thơ *Thăng Long tam thập vịnh* với nội dung chủ yếu là ngợi ca vẻ đẹp của quê hương, đất nước và con người Việt Nam nói chung, ngợi ca và phảng phất tâm trạng hoài cổ hướng đến vua Quang Trung cũng như triều đại Tây Sơn trước đó. Chúng tôi sẽ đề cập sâu hơn đến chùm thơ này ở dưới đây.

Như vậy, sinh ra trong thời loạn, cũng như bao kẻ sĩ khác trước ông, cùng với ông và cả sau ông, một sự lựa chọn con đường hành đạo với họ Đoàn không mấy dễ dàng. Vượt qua được những thông thường của thời thế, sự ảnh hưởng từ thân phụ Đoàn Nguyễn Thục, Đoàn Nguyễn Tuấn đã lựa chọn và kiên trì phục vụ cho triều đại Tây Sơn, cho vua Quang Trung. Với một kẻ sĩ theo học Nho giáo với tinh thần tự nhiệm cao đẹp và khát vọng cống hiến mãnh liệt, được làm quan cho một mình quân ngấm cũng đã quá mãn nguyện huống chi lại được trọng dụng bằng ngân ấy công việc. Với những gì đã thể hiện qua hành trạng của mình, Đoàn Nguyễn Tuấn xứng đáng trên tư cách của một nhà nho hành đạo tiêu biểu trong thời loạn mà vẻ đẹp nhân cách, hành động của ông sẽ lưu danh mãi với lịch sử dân tộc nói chung, rạng danh với truyền thống khoa bảng của dòng họ Đoàn xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nói riêng.

2.2. Tư tưởng hành đạo của nhà nho hành động

Đoàn Nguyễn Tuấn viết không nhiều. Trước tác của ông gồm cả trong Hải *Ông thi tập*, gồm 199 bài thơ chữ Hán được viết chủ yếu theo thể thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt và một số ít bài viết theo thể ngũ ngôn. Nội dung thơ Đoàn Nguyễn Tuấn khá phong phú, đa dạng và được viết khá giản dị, mộc mạc. Qua thơ văn của mình, Đoàn Nguyễn Tuấn đã có dịp gửi gắm, ký thác nhiều tâm sự tha thiết với triều đại, đất nước và đời sống của người dân Việt nói riêng, của con người nói chung. Sự thể hiện của tư tưởng hành đạo mà nhà nho Đoàn Nguyễn Tuấn được thể hiện khá sáng rõ từ lý tưởng cống hiến, tinh thần quân quốc, trái tim hướng về thế sự... Và sự thể hiện ấy trải dài từ các hoạt động hành chức, sự vụ của ông trong suốt cuộc đời của một kẻ sĩ luôn nặng lòng với đất nước và dân tộc.

Trên tư cách của một nhà nho hành đạo, nguồn cảm hứng đẹp nhất và nổi bật trong thơ Đoàn Nguyễn Tuấn phải nhắc tới chính là những bài thơ ông viết đề ngợi ca hào khí, sức mạnh của quân đội Tây Sơn, những tư tưởng sáng suốt, nhìn xa trông rộng cũng như chính sách chiêu hiền đãi sĩ của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ. Điều này có thể thấy qua các bài như “Kỷ Dậu trọng thu thượng cán, nghênh tiếp sách sứ, tâm hữ Nguyễn Quế Kiên tặng thi nhị thủ, y vận đáp” (*Thượng tuần, tháng tám năm Kỷ Dậu, nghinh tiếp sứ bộ phong vương, bạn thân là Nguyễn Quế Hiền tặng cho hai bài thơ, dựa theo nguyên văn đáp lại*), “Quá Nhị Hà quan Bắc bình cố lũy” (*Qua sông Nhị xem lũy cũ của quân Bắc*), “Trọng đông, nhị thập thất nhật tảo thần khắc thành, hỷ tác” (*Sáng sớm ngày hai mươi bảy tháng mười một, hạ được thành mừng làm thơ*), “Cụ phong hậu cảnh sắc” (*Cảnh sắc sau cơn bão táp*), “Nam phong” (*Gió nam*), “Ngự dinh cung kỳ” (*Trong cung vua, kính ghi*), “Đáp vãn” (*Trả lời câu hỏi*), “Đề thần long âm thủy đồ” (*Đề bức họa “Rồng thần hút nước”*)... Lời thơ được viết ra bằng một tâm trạng phơi phới, lạc quan chen lẫn niềm tự hào của kẻ sĩ nhậm vận thời thế:

*Nhất cổ anh uy khởi bách linh,
Lục sư khí tráng đập trùng thành.
Thân nhân nộ trực lôi đình tiết,
Hôn ế phân tùy hăng giới thanh.
Nhật lãng vọng đài lai hải sắc,
Xuân hồi giao dã động sơn thanh.
Bồi loan quý chấp Bình Hoài bút,
Tổn duệ tràng ca phản ngọc kinh.*

**(Trọng đông, nhị thập thất nhật tảo
thần khắc thành, hỷ tác)**

*Hồi trống oai hùng xốc dậy bách thần,
Sáu quân khí mạnh đập bằng trùng thành.
Thần người căm giận phát ra sấm sét,
Mây mù sạch lâng cùng với móc sương.
Trời rạng vọng đài thấy màu biển tới gần,
Xuân về đồng nội vang tiếng núi rừng.
Theo xe loan, thẹn cầm cây bút Bình Hoài,
Vung tay áo hát hoài khi trở về ngọc kinh.*

**(Sáng sớm ngày hai mươi bảy tháng mười một,
hạ được thành mừng làm thơ)**

Hòa trong không khí hùng hực, tươi sáng của một triều đại mới, phóng tầm mắt xa xa, nhà nho Đoàn Nguyễn Tuấn cảm thấy sáng khoái, vui sướng trước cảnh tượng thái bình, yên ấm của người dân qua cơn binh cực. Hơn bao giờ hết, đó cũng là lúc mà nền văn hiến, truyền thống đáng tự hào của dân tộc được phát huy trong một bối cảnh lịch sử mới. Đây là lúc mà Đoàn Nguyễn Tuấn háo hức, phấn khởi và thể hiện lòng tin son sắc của mình vào triều đại mới mà ông muốn được cống hiến:

*Ngũ Niên thành ngoại tủng nguy lâu,
Nhật mộ bằng lan hám bích lưu.
Thiên ngoại phàm tường phân lạc điệp,
Thủy trung vân thụ loạn phù âu.
Quần phong ly lạc sanh ngao bối,
Vạn vũ phồn hoa tấu mã đầu.
Nhất phát viễn Nam tùng hải khứ,
Niên niên tống khách Bạch Đằng châu.*

(Giang lâu cửu vọng)

*Ngoài thành Ngũ Niên, vôi vôi lầu cao,
Chiều tựa lan can, ngắm dòng nước biếc.
Cánh buồm ngoài chân trời, nhiều tựa lá rơi,
Lùm mây soi bóng nước, rối như bọt nổi.
Núi non tản mác chống trên lưng ngao,
Nhà cửa phồn hoa quây quanh bến bãi.
Một dòng từ phía Nam xa xa chảy ra biển,
Bãi sông Bạch Đằng, nơi tiễn khách hằng năm.*

(Ngắm mãi trên lầu bên sông)

Trong thời gian làm quan cho triều Tây Sơn, Đoàn Nguyễn Tuấn đã dốc sức tận tụy phục vụ triều đại. Ông luôn luôn sẵn sàng và hăng hái nhận nhiệm vụ khi được giao phó. Bất gặp trong thơ của ông là hình ảnh của một viên quan hành động, xả thân, không quản ngại dậm trường chông gai khó nhọc để có thể hoàn thành được nhiệm vụ:

*Bắc phong ca bãi hựu Nam phong,
Tạo hóa chân cơ nhất biến thông.*

*Gió Bắc hát xong lại đến gió Nam,
Cơ trời qua một phen thay đổi, lại thông.*

Vị văn Đẩu Ngưu phù hải khách,
Quản giao sơn thủy thức tao ông.
Thù phương kỹ kiến y quan hội,
Bán thế tương phao bút nghiên công.
Tân tịch nhược tuân ngô quốc tú,
Quế Hiên thi tận tối đầu phong.

(**Kỷ Dậu trọng thu nghinh tiếp sách sứ,
kỳ nhị**)

Chưa hỏi sao Ngưu, sao Đẩu khách vượt biển
chưa,
Hãy để nhà thơ quen với nước non.
Phương xa, mấy khi thấy hội áo xiêm,
Nửa đời, sắp ném bỏ công nghiên bút.
Tiệc khách nếu hỏi loại giỏi thơ nước ta,
Thì trận thơ Quế Hiên là đỉnh cao nhất.

(Tháng tám năm Kỷ Dậu đón tiếp sứ giả sang
phong vương)

Với tâm thế và hành động luôn dần thân như vậy dễ hiểu vì sao mà khi Vua Quang Trung mất, Quang Toản lên ngôi, trong triều ngoài nội không đồng tâm đồng chí khiến cho hàng ngũ quan lại bị phân tán, bản thân Đoàn Nguyễn Tuấn cũng cảm thấy chán chường, bi quan. Trong một số bài thơ được ông sáng tác sau thời điểm 1792, dễ nhận thấy ở nho sĩ họ Đoàn tâm trạng buồn nản, coi danh lợi đời người chỉ như áng mây bay. Đó là lúc mà Đoàn Nguyễn Tuấn hướng lòng mình về với thiên nhiên, vườn tược với mong muốn được hưu trí, nghỉ ngơi sau những ngày tháng dần thân nghiệp quan trường để nghiệm suy về lẽ hưng phế của cuộc đời nói chung, về danh lợi phù hoa của kẻ sĩ nói riêng và nhất là sự giữ gìn tiết tháo của nhà nho trước thời thế gió bụi:

Mạn vấn trần khuyển dịch tính chân?
Niên niên cô phụ cố viên xuân.
Cuồng phong xuy mộng lâm nguy bộ,
Mộ cánh khu cầu phật bệnh thân.
Thái được kế trì hư Đạo quả,
Đại canh mưu chuyết quý Nho thân.
Quy lai nhất trạo tầm tam kính,
Tàng phủ yên hoa nhận chủ nhân?

(**Kỷ Mùi trọng hạ y nguyên vận tiền
Ngự quan Nam hoàn, kỳ nhị**)

Vòng trần sao cứ sai khiến chân tính?
Hằng năm đành phụ xuân ở vườn xưa.
Gió điên cuồng thổi giấc mộng đến bước nguy nan,
Cảnh chiều tối xưa nổi buồn hành hạ thân ốm.
Hái thuốc kế đã mộn, khiến quả Đạo thành suông,
Thay cày mưu còn vụng, để đại Nho thêm thẹn.
Một chèo trở về tìm ba luống cúc,
Hoa khói còn nhận ra chủ cũ không?

(Tháng năm năm Kỷ Mùi 1799 theo nguyên vận tiền
quan Ngự về Nam, kỳ hai)

Với Đoàn Nguyễn Tuấn nói riêng và nhà nho hành đạo nói chung, hướng về thiên nhiên sẽ là một phương cách hòa giải cho họ những trăn trở, khát vọng quan trường vĩnh viễn không còn cơ hội hiện thực. Nội dung này chúng tôi sẽ còn trở lại ở phía dưới.

Và tư tưởng hành đạo của nhà nho Đoàn Nguyễn Tuấn một lần nữa còn sáng lên khi ông tham gia viết chùm thơ “*Thăng Long tam thập vịnh*” nhân sự kiện quan Bắc thành Hình bộ tham tri Uẩn Ngọc Hầu là Hoàng tướng công có ra đề vào năm 1812. Qua chùm thơ, Đoàn Nguyễn Tuấn đã có dịp được ngợi ca vẻ đẹp của quê hương đất nước, của con người Việt Nam trong lịch sử cũng như ngợi ca triều đại Tây Sơn, ngợi ca vua Quang Trung một thời chói lọi:

Kiến tác công phu đại hóa kỳ,
Ngũ môn lâu ngoại vọng nguy nguy.
Cao tiêu bách xích kinh thiên lập,
Trực chỉ trùng tiêu ủng nhật huy.
Tiến cận khai thời phong chính phát,
Bãi triều quyển xứ lộ sơ hi.
Ức niên chiêm ngưỡng vô cùng tụng,
Bất tức dương quang, bất bại kỳ.

(**Thành kỳ quải húc**)

Công phu xây dựng thay cho máy tạo hóa,
Trông cao chót vót, vượt hẳn lầu năm cửa.
Cao vút trăm thước sừng sững đứng chống trời,
Thẳng trở tầng mây, rục rờ đổ vàng dương.
Tiến triều mở ra, đúng khi gió phát,
Bãi triều cuộn lại, móc cũng vừa tan.
Muôn năm chiêm ngưỡng, chúc tụng khôn cùng,
Ánh dương không tắt, ngọn cờ còn mãi...

(**Cờ thành treo nắng sớm**)

Nhìn chung, trên tư cách của một nhà nho hành đạo trung nghĩa, Đoàn Nguyễn Tuấn đã nỗ lực nhập cuộc và đặc dụng với triều đại Tây Sơn oanh liệt - một triều đại tuy ngắn ngủi song hào quang còn tỏa rạng ngàn đời. Cùng với một số nho sĩ khác gần như đồng thời (Ngô Thì Nhậm, Ninh Tồn, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn...), Đoàn Nguyễn Tuấn đã có những đóng góp tích cực vào sự hưng thịnh của triều đại này nói riêng và lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam nói chung và tên tuổi của ông trở thành một tấm gương sáng về lẽ sống của một nhà nho luôn đặt quốc gia, triều đại lên hàng đầu với tinh thần phục vụ và cống hiến tận tụy.

2.3. Về đẹp thơ đi sứ: nỗi niềm của nhà nho hướng về đất nước

Đoàn Nguyễn Tuấn đi sứ nhà Thanh vào năm 1790 và chuyến đi sứ này được đánh giá là thành công xuất sắc trên nhiều phương diện. Thời gian này ông đã viết trên dưới 100 bài thơ, trong đó có nhiều bài xuất sắc. Đặt chung vào văn mạch thơ đi sứ Việt Nam trung đại nói chung, thơ đi sứ thời Tây Sơn nói riêng, thơ đi sứ của Đoàn Nguyễn Tuấn vẫn thể hiện được những nét đẹp riêng về nội dung cũng như nghệ thuật.

Nhận nhiệm vụ công cán, Đoàn Nguyễn Tuấn mang trong mình ý thức trách nhiệm lớn lao và tâm trạng lạc quan, hăng hái của kẻ sĩ được trọng dụng. Khi đã đặt chân đến phương Bắc, thông qua quan sát trên dặm trường sứ bộ cũng như những công việc phải giao tiếp của mình, Đoàn Nguyễn Tuấn đã viết nhiều bài đối đáp, xướng họa, tặng tiễn hưởng đến hoàng đế, quan lại Trung Hoa, sứ thần của Triều Tiên và Việt Nam. Nội dung chủ yếu là thể hiện tinh thần hữu hảo dân tộc, trân trọng quý mến những người bạn Trung Hoa, giao lưu, học hỏi văn hóa với các sứ thần ngoại quốc khác. Đồng thời qua đó, Đoàn Nguyễn Tuấn cũng khéo léo thể hiện được lòng tự tôn dân tộc, niềm tự hào về đất nước, con người cũng như khẳng định quyền độc lập tự chủ Việt Nam với bè bạn:

*Tinh phân Dục, Chấn, giới Long Biên,
Lý số tung hoành địa bát thiên.
Vũ đế, Sĩ vương dư hóa tục,
Tản Viên, Lô thủy đại sơn xuyên.
Hán Đường quan chế tham thời tụng,
Trâu Lỗ văn phong nhất mạch truyền.
Bách bảo, ngũ kim đồ thổ trước,
Bất tu tỏa toái thuật thì thi thiên.*

(*Đáp vấn, kỳ nhất*)

*Dục, Chấn sao chia địa giới Long Biên,
Số dặm dọc ngang đất rộng tám ngàn.
Vũ đế, Sĩ vương còn lưu phong hóa,
Núi Tản, sông Lô: núi lớn, sông dài.
Tùy lúc chọn dùng quan chế Hán Đường,
Một mạch lưu truyền văn phong Trâu Lỗ.
Bách bảo ngũ kim đều là thổ sản của nước tôi,
Trong thơ chẳng cần phải kể rườm rà.*

(*Trả lời câu hỏi, kỳ nhất*)

Đoàn Nguyễn Tuấn đặc biệt thành công ở đề tài vịnh sử như *Xích Bích hoài cổ* (Trước cảnh Xích Bích nhớ xưa), *Đăng Hoàng Hạc lâu* (Lên lầu Hoàng Hạc), *Quá Trường Thành* (Qua Trường Thành), *Nhạc Dương lâu phú* (Bài phú lầu Lạc Dương), *Đề Hàn Ngụy công trú cầm đường* (Đề nhà Trú Cầm của Hàn Ngụy Công), *Dạ túc Hàn Đan* (Đêm ngủ trọ ở Hàn Đan)... Thường qua những bài thơ như thế này, một mặt Đoàn Nguyễn Tuấn đã thể hiện được sự am hiểu về lịch sử Trung Hoa, mặt khác ông đã có dịp bày tỏ quan điểm của mình về các sự kiện, nhân vật được nhắc tới:

*Trường Giang dạ sắc bích du du,
Tam Quốc can qua thử địa đầu.
Phân đỉnh đồ khuy nh sơn tự trĩ,
Liên hoàn thủy tận thủy không lưu.
Chu Lang dư hỏa minh tràng ngạn,
Gia Cát di phong phát viễn châu.
Độc hữu Hy Ninh thiên trực khách,*

*Cảnh đêm trên Trường Giang một màu biếc xanh
man mát,
Nơi đây, từng xảy ra trận can qua thời Tam Quốc.
Cơ đồ chia ba chân vạc đã sập, mà núi non vẫn còn
sừng sững,
Thuyền bè theo ké liên hoàn đã hết, nhưng sông nước vẫn
cứ chảy hoài.*

Trúc mai nhĩ vận tiêu đình thu.

(Xích Bích hoài cổ)

Lửa thừa của Chu Lang còn soi sáng bờ dài,

Gió số của Gia Cát vẫn thổi tận bãi xa.

Riêng có người khách bị xua đuổi thời Hy Ninh,

Còn để vắn trúc mai tao nhĩ trên đình nhỏ dưới trời thu.

(Trước cảnh Xích Bích nhớ xưa)

Điểm khá đặc biệt là trong số những bài thơ đi sứ, Đoàn Nguyễn Tuấn còn có một số bài nói về thân phận người phụ nữ Trung Hoa thời cổ. Lời thơ được viết ra khá giản dị với thái độ trân trọng, giọng điệu sẻ chia, đồng cảm và dường như ở đó là một thoáng suy ngẫm, liên tưởng của những kẻ “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” thì phải? Đó là các bài như *Hồ phụ hành* (Bài ca về vợ người Hồ), *Chiêu Quân mộ* (Mộ Chiêu Quân), *Đồ ngộ đàm nhi tâm phu gia* (Trên đường gặp chị gánh con đi tìm chồng), *Hòa Nhai ca nữ* (Cô ca nữ phố Hòe Nhai)...

Hán đại giai nhân hà xứ mộ,

Người đẹp đời Hán, phần mộ ở nơi đâu?

Hồ sa táp diện mẫn thiên hôn.

Cát Hồ phủ vào mặt, mù mịt đầy trời.

Hoàng tuyền bất tẩy đan thanh hận,

Suối vàng khôn rửa mối hận bức tranh,

Lục thảo không lưu thể lệ ngân.

Cỏ xanh luống còn in ngần nước mắt.

Hoàn bội qui thanh hư dạ nguyệt,

Tiếng ngọc đeo vọng về trong đêm trăng thanh vắng,

Tỳ bà oán khúc nhiều sơn thôn.

Khúc tỳ bà ai oán vẫn còn vương bên xóm núi.

Hồng nhan mệnh dữ xuân hoa bạc,

Số mệnh khách má hồng cũng mong tựa hoa xuân,

Bằng diếu thiên thu nhất sán hôn.

Viếng người ngàn thu bỗng thấy tâm hồn đau xót.

(Chiêu Quân mộ)

(Mộ Chiêu Quân)

Một nội dung cuối cùng chúng tôi muốn nhắc đến trong nội dung thơ đi sứ Đoàn Nguyễn Tuấn là tình cảm của ông dành cho những người thân yêu nơi quê nhà nói riêng và tâm lòng hướng về tổ quốc nói chung. Đó là các bài như *Tiên khảo hựu nhật cảm tác* (Cảm xúc nhân ngày giỗ cha), *An Bình giang vãn thiểu* (Chiều tối ngắm cảnh trên sông An Bình), *Mã Đường dạ bạc* (Đêm đậu thuyền ở bên Mã Đường), *Vãn độ Sa Hà* (Buổi chiều qua sông Sa Hà), *Khách thứ trung thu* (Trung thu đất khách), *Triều Tiên đắc thi vãn “hảo thi hảo thi số nhật phụng họa” cánh bất kiến động tĩnh phục thu thôi chi, kỳ nhất* (Sứ thần Triều Tiên nhận được thơ khen thơ hay, thơ hay, vài hôm nữa sẽ xin họa lại, thế rồi cũng chẳng thấy động tĩnh gì cả, bèn lại làm thơ giục họ)...

... Hà đương bất tỉnh thân,

... Sao ta không biết xét lại mình,

Độc tác tha hương khách.

Đơn chiếc làm khách quê người?

Đối nhân cường ngôn ngữ,

Trước mặt người gượng trò chuyện,

Đê, thủ lệ ám trích.

Cúi đầu lệ nhỏ thầm.

Hữu, sinh phụ cù lao,

Từ lúc sinh ra đã phụ công ơn nuôi nấng,

Lâm thời trưởng liêu cách.

Tới ngày cũng giỗ, buồn nỗi cách biệt xa xôi.

Phụ hề tối niệm nhi,

Cha hỡi, nên thấu nỗi tình con,

Thiên biên thùy giám cách.

Xin chứng giám lòng thành cho đứa con ở chân trời này?

(Tiên khảo hựu nhật cảm tác)

(Cảm xúc nhân ngày giỗ cha)

... Pháo oanh đường cước sơn thanh đáp,

... Pháo vang chân đò, tiếng núi vọng lại,

Liệu xí tân đầu lộ điểm can.

Đuốc rực đầu bến, hạt móc đều khô.

Hồi thủ bạch vân gia tiệm viễn,

Ngoài nhìn mây trắng, nhà đã xa dần,

Hương tâm nhất phiến dự bài nan.

Một tấm lòng quê, khó mà nguôi được.

(Mã Đường dạ bạc)

(Đêm đậu thuyền ở bên Mã Đường)

2.4. Những vần thơ hướng về thiên nhiên: niềm tự hào về vẻ đẹp non sông và kí thác nỗi niềm ưu tư thế sự

Hướng về thiên nhiên, viết về thiên nhiên và thể hiện sự hòa nhập của cái tôi cá nhân nhà nho vào môi trường, không gian thiên nhiên dường như đã trở thành một mẫu số với các nhà nho trung đại, tuy cách thể hiện ở mỗi người mỗi khác. Xưa nay, với nhà nho, thiên nhiên, cảnh vật vừa là đối tượng trữ tình lại vừa là nơi họ có thể gửi gắm, ký thác những tâm sự thân phận và thời thế. Đoàn Nguyễn Tuấn cũng không phải là một biệt lệ và chúng tôi nhận thấy trong thơ của ông, số lượng những bài thơ viết về thiên nhiên khá nhiều và có một số bài thực sự đặc sắc, được viết bằng một mỹ cảm khá tinh tế.

Trong không khí hào hùng của dân tộc được mở ra dưới thời đại Quang Trung Nguyễn Huệ, thiên nhiên đi vào thơ Đoàn Nguyễn Tuấn là cảnh sắc oai hùng, đẹp đẽ của quê hương đất nước:

*Thắng khái cổ kim xưng Dục Thúy,
Thủy tú sơn thanh giáp Cửu Chân.
Nhất đới trùng ngưng hàm thạch bích,
Song phong tuấn tiểu dục sa tân...*

(Dục Thúy sơn hành)

... Thắng cảnh xưa nay đều khen Dục Thúy,
Sông đẹp núi xanh nhất quận Cửu Chân.
Một dòng trong vắt chứa đựng vách đá,
Đôi ngọn chon von tắm mình bên cát...

(Bài hành về núi Dục Thúy)

Và cũng như nhiều nhà nho khác, thiên nhiên sẽ nơi giúp cho họ giải phóng những ưu tư thế sự, những buồn nản về công danh sự nghiệp bất như ý. Hướng về với thiên nhiên để tâm hồn kẻ sĩ được thanh tịnh, tĩnh lặng:

*Thanh trì hồng thúy viễn truy trần,
Liên hữu kỳ hương cổ diệp văn.
Tùng trúc đình tiền tam hữu lạc,
Huyền ca án thượng tứ thời xuân.
Túy vô cầu mã năng cung khách,
Tự hữu cầm thư khả mục thân.
Thiên cổ hương phong thiên cổ lại,
Nhất phiên khai thị nhất phiên tân.*

(Vịnh liên trì phong cảnh)

Hồng biếc ao trong, xa nơi bụi trần,
Sen có hương lạ, xưa đã từng nghe.
Tùng cúc trước sân: ba bạn vui vậy,
Đàn ca trên án: bốn mùa xuân cả.
Tuy không áo cừu ngựa béo đãi nổi khách khứa,
Song sẵn cây đàn níp sách hòa được người thân.
Gió thơm muôn thuở, muôn thuở vẫn còn,
Mỗi lần nở hoa một lần thêm mới.

(Vịnh cảnh ao sen)

Trong chuyến đi sứ đã được chúng tôi nhắc đến ở phía trên, Đoàn Nguyễn Tuấn đã dành nhiều bài đề đề vịnh thiên nhiên cảnh vật, qua đó gửi gắm tâm sự cá nhân, ngụ ý ngụ tình, nỗi niềm của kẻ khách trên đất nước Trung Hoa. Hiện lên trong thơ ông lúc này là những địa danh, phong cảnh nổi tiếng của phương Bắc, những con suối, dòng sông, ngọn núi đẹp đẽ, trong xanh, khoáng đạt, sơn thủy hữu tình: cảnh trên sông An Bình, núi Dũ Lĩnh, sông Ninh Minh, chùa Phi Lai ở Giáp Tây, sông Trường Giang, lầu Hoàng Hạc...

*Phân Mao lĩnh ngoại uất hoa phong,
Đại mạt ngân trang tạo thiết công.
Nguyệt dững giang mi đường biển bạch,
Hà khai sơn bối thụ hoa hồng.
Tinh kỳ dao duệ ba quang lý,
Châu tiếp bồi hồi thạch ảnh trung.
Mãn nhãn bất tri trần thế lộ,
Mê mang tinh chữ nhất sà thông.*

(Ninh Minh giang hành)

Ngoài núi Phân Mao, cảnh đẹp vô cùng,
Mây xanh áo bạc, thợ tạo khéo bày.
Trăng vọt bên sông, bờ đê nhỏ trắng,
Ráng in sườn núi, hoa cây rực hồng.
Cờ xí rung rinh trong ánh sóng nước,
Thuyền bè thấp thoáng giữa bóng núi non.
Đầy mắt chẳng biết đâu đường trần thế,
Mơ mịt bên sao một bè đi thông.

(Đi trên sông Ninh Minh)

Một điểm cần nhắc tới nữa là một loạt các bài thơ ông viết về mùa thu đất Bắc: phòng thu, đêm thu, mây thu, núi thu, mộng thu, trăng thu, cỏ thu, lá thu, đế thu, nước thu, đàn thu, cúc thu, liễu thu, mưa thu, gió thu, sen thu, sáo thu, sương móc mùa thu, lan thu, tiếng đập vải đêm thu, tình thu, mùa thu trong sáng, cảnh sắc mùa thu, ngô đồng mùa thu, tiếng thu, bến thu, ráng thu... Có thể thấy, qua những vần thơ này, Đoàn Nguyễn Tuấn đã thể hiện sự cảm nhận rất tinh tế của mình về các cung bậc, ráng điệu của mùa thu đồng thời gửi gắm được tâm sự nhớ quê hương da diết của mình:

*Vạn đạo tường quang lộng vãn tình,
Hồng trang bạch tiễn bách hoa minh.
Thôi song hữu khách thư nhàn vọng,
Duy hữu trường không nhất nhạn hoành.*
(*Thu tình*)

Muôn ánh hào quang giõn trong nắng chiều,
Trắng đỏ điểm trang trăm hoa rực rỡ.
Đầy song, có khách thanh thoi ngắm cảnh,
Chỉ thấy trên trời chiếc nhạn bay ngang.
(*Màu thu trong sáng*)

*Nguyệt bạc sa song, ngọc lậu trầm,
Tiêu tiêu đồng vận quá phong lâm.
Cao sơn lưu thủy thiên thu điệu,
Hải giốc thiên nhai, ngữ dạ tâm.*
(*Thu cảm*)

Trăng lặn bên song the, giọt ngọc trầm trầm,
Tiếng tơ đồng hiu hắt thoảng qua rừng phong.
Âm điệu ngân năm: bài non cao nước chảy,
Nào lòng năm canh kẻ góc bể chân trời.
(*Đàn thu*)

Thơ hướng về thiên nhiên của Đoàn Nguyễn Tuấn còn đâu đó khát vọng nhàn tản, thư thái song không nhiều. Đa số trường hợp đều là sự gửi gắm những suy tư, trăn trở của một nho sĩ luôn canh cánh, nặng trĩu không là với thế thái, thời cuộc thì là với bè bạn và những người thân yêu. Hẳn đó chính là một tinh điệu riêng của thơ thiên nhiên Đoàn Nguyễn Tuấn trong dòng chảy của thơ thiên nhiên của tác giả nhà nho nói riêng, thơ viết về thiên nhiên trong văn học trung đại nói chung.

3. Kết luận

Trở lên có thể thấy, so với một số tác giả nhà nho hành đạo khác cùng thời như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Ninh Tôn... Đoàn Nguyễn Tuấn sáng tác không nhiều song qua đó chúng ta hoàn toàn có thể nhận thấy khá rõ bức chân dung tinh thần của ông trải qua một giai đoạn lịch sử khá đặc biệt của dân tộc. Lựa chọn và kiên trì theo đuổi lý tưởng hành đạo cao đẹp của mình, Đoàn Nguyễn Tuấn, ở vào bất kể cương vị nhiệm vụ nào, ông cũng đã cố gắng và hoàn thành một cách xuất sắc. Ông xứng đáng là một nho sĩ hành đạo trung nghĩa tiêu biểu, một tấm gương sáng về lòng yêu nước và tự hào dân tộc cũng như là một tác giả văn học tiêu biểu của văn học giai đoạn nửa sau thế kỉ XVIII nói riêng của lịch sử văn học trung đại Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Tú Châu, 2004. “Đoàn Nguyễn Tuấn”, *Từ điển Văn học* (bộ mới). Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [2] Trần Đình Hượu, 1999. *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Tuấn Lương, 1978. “Một vài nét về Đoàn Nguyễn Tuấn”. *Tạp chí Văn học*, số 2.
- [4] Nhiều người soạn, 1982. *Thơ văn Đoàn Nguyễn Tuấn (Hải Ông thi tập)*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Trần Ngọc Vương, 1999. *Loại hình học tác giả văn học Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

- [6] Nguyễn Thị Hòa, 2015. *Thơ đi sứ của Đoàn Nguyễn Thục và Đoàn Nguyễn Tuấn*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [7] Lê Văn Tấn, 2013. *Tác giả nhà nho ẩn dật và văn học trung đại Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Lê Văn Tấn, 2015. “Loại hình tác giả nhà nho hành đạo trong văn học trung đại Việt Nam”. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, số 7, tr.28-40.
- [9] Lê Văn Tấn, 2019. *Văn học trung đại Việt Nam nhìn từ hai loại hình tác giả: Nhà nho hành đạo và nhà nho ẩn dật*. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [10] Lê Văn Tấn, 2020. *Loại hình tác giả nhà nho ẩn dật trong văn học trung đại Việt Nam*, tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa, bổ sung. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [11] Biện Minh Điền, 2015. *Loại hình văn học trung đại Việt Nam* (nghiên cứu và biên soạn). Nxb Đại học Vinh.
- [12] Tạ Ngọc Liễn, 2008. *Danh nhân văn hóa trong lịch sử Việt Nam*. Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
- [13] Trần Ngọc Vương (chủ biên), 2007. *Văn học Việt Nam thế kỉ X-XIX: những vấn đề lý luận và lịch sử*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

ABSTRACT

The thought of serving nation and people through Doan Nguyen Tuan's Chinese poetry

Le Van Tan

Graduate Academy of Social Sciences, Vietnam Academy of Social Sciences

Doan Nguyen Tuan, nick name Hai Ong, Hai Yen village, Quynh Coi district (now known as Hai An village, Quynh Nguyen commune, Quynh Phu district), Thai Binh province. He had Huong sewer following the Le Dynasty but did not work as mandarins, with Vu Huy Tan, Phan Huy Ich, Ngo Thi Nham..., he followed Tay Son. By the concept of flexible museum, Doan Nguyen Tuan pursued and persevered the path of religious practice in the disordered social condition. With more than 200 Han poems still left, Doan Nguyen Tuan had the opportunity to show quite clearly the important aspects of the content of the thought of his practice. Thus, it can be affirmed that he is one of the authors of fictional literature in the second half of the eighteenth century in particular, of Vietnamese literature in general. This is the main content we set out and solved in this article.

Keywords: Doan Nguyen Tuan, religious thought, Han poetry, Middle literature.